

Thái độ của các nhóm cư dân ở một vùng nông thôn đối với học vấn và nghề nghiệp của con cái

KHUẤT THU HỒNG

Chính sách kinh tế mới dẫn đến những thay đổi căn bản không chỉ trong hoạt động kinh tế mà trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống. Sự chuyển đổi của cơ cấu lao động - nghề nghiệp ở nông thôn là một ví dụ cho thấy rằng không chỉ bộ mặt nông thôn được đổi mới mà những thay đổi trong tâm thế của người dân cũng đã và đang hình thành tương ứng với mọi diễn biến trong đời sống kinh tế - văn hóa - xã hội. Đối với mỗi gia đình, những băn khoăn ngổ ngàng trước một thực tế mới chưa phải đã hết, song những định hướng khác nhau cho tương lai đang dần dần được củng cố. Trong thái độ của các bậc phụ huynh đối với học vấn và nghề nghiệp của con cái cũng có nhiều xáo động. Đây là một trong những giả thuyết nghiên cứu của cuộc khảo sát về sự chuyển đổi cơ cấu xã hội lao động - nghề nghiệp ở một vùng nông thôn của Phòng Xã hội học Nông thôn năm 1991. Chúng tôi không chờ đợi những số liệu cho thấy những khoảng cách lớn, chứng minh là những thay đổi có tính chất bước ngoặt trong hệ thống thái độ của các nhóm cư dân nông thôn trước thực tế mới của cuộc sống. Chúng tôi cho rằng khi nghiên cứu về tâm thế, những biến thái nhỏ ở từng nhóm và giữa các nhóm là rất quan trọng trong việc xác định xu hướng của nó.

Một trong những nỗi lo của xã hội ta hiện nay là tình trạng bỏ học và thất học của hệ trẻ. Học vấn tạm thời đã không còn là một giá trị chung cho tất cả các nhóm xã hội, đặc biệt là ở nông thôn. Kế hoạch đào tạo trước đây và việc xóa bỏ hệ thống bao cấp cộng với chế độ thi cử hiện nay đã để lại những hậu quả tai hại. Số sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, dạy nghề chưa có việc làm, số học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học không thể thi vào đại học và chỉ tiêu hạn chế đối với số học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở vào phổ thông trung học ngày càng tăng lên đã tạo nên một tâm trạng hoang mang thất vọng cho lớp trẻ và cha mẹ họ. So sánh với kết quả khảo sát năm 1990 ở Đình Bảng và Tam Sơn (Hà Bắc), Hải Vân (Hải Hậu, Hà Nam Ninh) đã thấy có sự khác biệt đáng kể trong đánh giá vai trò của yếu tố học vấn đối với con người hiện đại. Ở Đa Tốn, năm 1991, chỉ có 1,8% số người được hỏi xếp trình độ học vấn cao vào vị trí số 1 trong những phẩm chất quan trọng của con người hiện nay so với các con số 13,6% ở Đình Bảng, 13,8% ở Tam Sơn và 11,2% ở Hải Vân năm ngoái. Trong khi đó ở Đa Tốn năm nay số người dành vị trí này cho khả năng biết làm giàu nhanh chiếm tới 53%, nhiều hơn số người đồng ý kiến của Đình Bảng, Tam Sơn và Hải Vân năm trước là 9%, 24,8% và 31,25%. Cách sắp xếp những giá trị trên có thể phần nào lý giải được thái độ của các bậc phụ huynh đối với việc học hành của con cái họ. Ở Đa Tốn, 64,3% không có định hướng rõ rệt đối với học vấn của các con với câu trả lời sẽ cho các con đi học tùy theo khả năng của chúng, điều đó cho thấy rằng học vấn đã không phải là vấn đề quyết định trong định hướng tương lai cho con cái. Sự thiên vị con trai vẫn tồn tại, thể hiện ở con số 15% số người được hỏi cho phép con trai được đi học tùy theo khả năng còn con gái chỉ được học hết cấp III. Chỉ có 10% muốn cả con trai và con gái đều có trình độ cấp III. Số người cho rằng các con chỉ cần học hết cấp II là 5,6%. Tuy nhiên không có ai giới hạn học vấn của các con ở trình độ cấp 1. So sánh các nhóm của từng cơ cấu ta thấy có vài điểm đáng lưu ý. Chẳng hạn trong cơ cấu giới tính, số bà mẹ ưu ái con trai hơn con gái (thể hiện ở câu trả lời con trai có thể học tùy theo khả năng, còn con gái chỉ nên học hết cấp III) nhiều gấp đôi các ông bố (22,6% so với 11,2%). Có thể quan niệm cũ về việc học hành của con gái vẫn còn chi phối họ, nhưng có lẽ điều quyết định là vai trò đáng kể của đứa con gái trong việc đỡ đần cho người mẹ những ông việc nội trợ.

Trong cơ cấu lứa tuổi, các bậc phụ huynh ở độ tuổi càng cao thì càng tỏ ra quan tâm đến học vấn của các con hơn, số người trả lời tùy khả năng học của con ít hơn, đồng thời số người đưa ra những cái đích cụ thể cho đường học tập của các con cũng nhiều hơn (52,6% và 66,6% của hai độ tuổi 36-46 và 46 trở lên với 71,4% và 74,1% của hai độ tuổi dưới 25 và 26-35). Phải chăng đối với những người thuộc lứa tuổi này, mặc dù đã có những thay đổi, học vấn vẫn còn là một giá trị đáng quan tâm. Cũng có thể ở các bậc cha mẹ trẻ tuổi đã có xu

hướng để cho con cái tự quyết định số phận của chúng, tôn trọng tự do cá nhân của các con hơn. Song đó chỉ là những suy luận chủ quan, cần có những nghiên cứu sâu hơn về vấn đề này

Trình độ học vấn của cha mẹ có ý nghĩa đáng kể trong thái độ của họ đối với việc học của các con. Số người muốn cho các con đều học hết cấp III tỷ lệ thuận với học vấn của họ: từ 0% ở những người mù chữ và chỉ mới biết đọc biết viết đến 1,2% số người học cấp I; 12% những người có trình độ cấp II; 14,2% những người học cấp III và 50% những người có trình độ đại học.

Nghề nghiệp của cha mẹ cũng có ảnh hưởng đến thái độ của họ đối với học vấn của các con. Số người làm nông nghiệp thuần túy hoặc kết hợp nông nghiệp với nghề khác có những mong muốn cho con học đến trình độ nào là tùy thuộc vào khả năng của các con nhiều hơn so với nhóm người làm các nghề phi nông nghiệp (65,2% và 67,7% so với 52,1%). Trước đây, trong thời phong kiến, học vấn cao giúp người ta đỗ đạt để làm quan, đến thời bao cấp, có học vấn thì có cơ hội thoát ly làm cán bộ. Vì thế, học vấn đã không chỉ là một giá trị tinh thần mà còn là một giá trị kinh tế được người nông dân trân trọng. Còn bây giờ, việc giám biên chế, tình trạng không đủ công ăn việc làm ở bộ máy nhà nước... tạo nên sự mong manh cho cơ hội thoát ly đồng ruộng. Chẳng cần đoán con cái học hành nhưng cũng không khuyến khích, đó là xu hướng chung ở nông thôn hiện nay. Ngược lại, đối với những ngành nghề phi nông nghiệp như buôn bán dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp, học vấn xem ra ngày càng hữu ích. Muốn độc quyền về dịch vụ sửa chữa điện, cơ khí ... ở làng thì phải có tri thức để cạnh tranh, vươn lên. Không có trình độ học vấn tương đối thì dễ bị thua thiệt trong giao tiếp, tìm thị trường, thỏa thuận giá cả. Có lẽ xuất phát từ suy nghĩ này mà 30,4% số phụ huynh làm các nghề phi nông nghiệp muốn các con học ít nhất là hết cấp III, trong khi chỉ có 8,3% và 4,6% phụ huynh của hai nhóm thuần nông nghiệp và nông nghiệp kết hợp muốn con mình có được trình độ này.

Yếu tố kinh tế cũng ảnh hưởng đến thái độ của cha mẹ đối với việc học hành của con cái. Số gia đình dư dật, hoặc đủ ăn muốn cho các con học hết cấp III nhiều hơn (9,3% và 13,7%) so với các gia đình tạm đủ ăn hoặc thiếu ăn (8,6% và 4,1%). Phần lớn những gia đình thiếu thốn không tỏ thái độ rõ ràng trong việc xác định mục tiêu học hành cho các con, 79,1% trả lời là tùy theo khả năng các con.

Trình độ học vấn có liên quan chặt chẽ với nghề nghiệp, khi đã không xác định rõ giới hạn của học vấn thì khó mà xác định được nghề nghiệp tương lai. Ở Đa Tốn người ta để các con tùy ý trong việc học hành nên cũng để chúng tự do trong việc chọn nghề. Đa số (78,1%) các bậc cha mẹ chỉ cần các con có thu nhập cao còn muốn làm nghề gì cũng được, chỉ còn một số ít (21,9%) hướng các con đến những nghề cụ thể. Người ta đã không còn phân biệt những nghề "sang", "hèn". Điều đó sẽ giúp cho cơ cấu nghề nghiệp nông thôn dần dần được đa dạng hóa, làm phong phú các nguồn thu nhập, cải thiện cuộc sống.

Không có người nào trong số các bậc cha mẹ dưới 25 tuổi cho rằng các con mình nhất thiết phải làm nông nghiệp, 71,4% trong số họ tùy các con chọn nghề miễn có thu nhập cao, 28,5% còn lại thì muốn các con làm các nghề phi nông nghiệp. Số người ở độ tuổi 26-35 định hướng những nghề cụ thể cho các con cũng rất ít: chỉ có 9,6% muốn cho con gái làm nông nghiệp kết hợp với tiểu thủ công nghiệp, còn con trai thì tùy, 6,4% muốn các con có nghề phi nông nghiệp, đa số (83,8%) muốn các con có thu nhập cao với bất cứ nghề nào. Số người ở độ tuổi 36 trở lên có thái độ rõ ràng trong việc chọn nghề cho các con nhiều hơn: 10,5% những người ở độ tuổi 36-45 và 8,3% ở độ tuổi trên 46 cho rằng con em mình nên làm nông nghiệp kết hợp với tiểu thủ công nghiệp. Số người ở hai độ tuổi này muốn các con đều làm những nghề phi nông nghiệp là 10,5% và 3,5%, vì thế nên số người tùy thuộc ý muốn của các con cũng ít hơn (71,0% và 79,9%) so với các bậc cha mẹ trẻ hơn. Có một điều đáng lưu ý rằng nếu những người ở độ tuổi dưới 25 không hề phân biệt con trai con gái trong việc chọn nghề cho chúng thì có một số trong những người từ 26 tuổi trở lên lại có định hướng rõ rệt cho con gái, trong khi con trai lại được tự do lựa chọn, thể hiện ở việc họ cho rằng con gái nên làm nông nghiệp kết hợp tiểu thủ công nghiệp còn con trai thì tùy. Khó mà kết luận một cách chắc chắn rằng sự năng động trong định hướng nghề nghiệp của lớp trẻ lớn hơn so với lớp người nhiều tuổi hơn nếu chỉ căn cứ vào những con số nhỏ bé này. Để có được những khẳng định và một bức tranh rõ nét hơn về những biến thái giữa các nhóm tuổi cần nhiều nghiên cứu lớn hơn và sâu sắc hơn.

So với những người mới chỉ biết đọc biết viết và những người ở trình độ cấp I thì những người có học vấn từ cấp II trở lên tỏ ra quan tâm một cách cụ thể đến nghề nghiệp của các con hơn. Nếu 80% số người trình độ A.B.C và 88,5% những người học cấp I để các con tự lựa chọn nghề nghiệp, thì chỉ có 75,9% số người có học vấn cấp II; 76,1% những người có học vấn cấp III và 50% những người có trình độ đại học có cùng quan điểm này. Ngược lại, chỉ có 6,6% những người mới qua A.B.C và 2,8% những người đã học cấp I hướng các con đến các nghề phi nông nghiệp so với 8,4% số người có văn hóa cấp II và 9,5% số người đã học cấp III. Trong việc chọn nghề cho các con theo giới tính cũng có xu hướng tương tự.

Trong các nhóm nghề nghiệp ta thấy nhóm nông nghiệp kết hợp với các nghề khác có số người cho các con tự do chọn nghề lớn hơn cả (81,5%) so với 77,7% những người cùng ý kiến của nhóm thuần nông và 69,5% những người ở nhóm phi nông nghiệp. Dường như những người ở nhóm này không tin tưởng lắm vào nghề nghiệp của họ nên chỉ có 3% muốn các con “nối” nghiệp mình trong khi 11,1% những người thuộc nhóm thuần nông muốn con kế tục nghề của cha mẹ và 8,6% những người phi nông nghiệp cũng muốn con đứng vào hàng ngũ nhưng người không làm nghề nông như họ. Có thể sự hiểu biết sâu sắc về nghề nghiệp của cha mẹ có ý nghĩa đáng kể trong định hướng nghề nghiệp cho con cái. Những nguồn thu nhập nhỏ từ những công việc manh mún ít có sức thuyết phục hơn so với những nguồn thu lớn và ổn định. Chúng tôi cho rằng đây là một vấn đề đáng quan tâm và cần được tìm hiểu kỹ hơn, trên một số mẫu lớn hơn.

Số những gia đình có mức sống cao (có dư) hướng về các nghề phi nông nghiệp nhiều hơn cả so với những gia đình đủ ăn, tạm đủ hay thiếu ăn. Điều này xuất phát từ thực tế, hầu hết những gia đình dư dật ở Đa Tốn đều có những nguồn thu nhập lớn ngoài nông nghiệp.

Nếu tiếp tục phân tích thái độ của các bậc phụ huynh về nơi ở của các con trong tương lai ta sẽ thấy rằng suy luận đó là có cơ sở. Trong mong muốn của họ về nơi sinh sống của các con khi trưởng thành ta cũng thấy xu hướng tương tự là tùy sự lựa chọn của chúng (64,3%). Rất ít người muốn các con đều ở lại quê nhà (1,8%), một số chỉ muốn cho con trai thoát ly nông thôn, còn con gái thì nên ở quê (14,3%), còn số người muốn tất cả các con đều được sống ở thành phố là 16,2%. Lại nói về chữ “tùy”, trong trường hợp này, theo chúng tôi nó cũng không biểu hiện sự thờ ơ của những người đã chọn nó, nếu không họ đã chọn những phương án cụ thể có sẵn. Do đó phải hiểu ý nghĩa của câu trả lời này rộng hơn nội dung của nó. Nếu đã tùy các con chọn nghề thì cũng phải tùy chúng chọn nơi sinh sống, nếu “tùy” trong nghề nghiệp loại trừ nghề nông thì dĩ nhiên “tùy” trong chỗ ở cũng loại trừ nông thôn. Khi trả lời “tùy các con” trong cả hai trường hợp, người ta đặt niềm khao khát của mình vào đó. Chỉ là khao khát chơi mà không phải là mong muốn cụ thể vì hiện thực không cho phép họ đi xa hơn thế. Nếu học vấn luôn luôn bảo đảm cho chúng ta một tương lai chắc chắn thì có thể sẽ có nhiều người đưa ra những câu trả lời cụ thể hơn. Nhưng như đã nói ở trên, vì mất lòng tin vào cơ hội mà học vấn mang lại nên người ta cũng khó mà định hướng cho tương lai.

Có thể tạm thời đưa ra một vài nhận xét như sau:

1 . Các nhóm cư dân nông thôn (trong khuôn khổ những phân tích trên đây) đều đang bối rối trong định hướng nghề nghiệp cho thế hệ tương lai. Hầu hết đều đã không thể có những định hướng cụ thể mà chỉ đưa ra những mong muốn chung chung.

2. Sự khủng hoảng của giá trị học vấn phần nào là nguyên nhân của tình trạng trên. Đi học cũng vẫn có thể bị thất nghiệp, mà không đi học thì ở nhà làm gì? Số thanh thiếu niên học dở dang và không có nghề nghiệp ngày càng nhiều ở nông thôn.

3. Có một điều đáng mừng là khi chú trọng vào hiệu quả kinh tế, người ta đã xóa đi ranh giới phân biệt giữa các nghề. Điều này thể hiện sự đổi mới trong tư duy nghề nghiệp phù hợp với những thay đổi kinh tế - văn hóa - xã hội chung.

4. Làm nông nghiệp và sinh sống ở nông thôn không phải là ước mơ của nhiều bậc cha mẹ đối với tương lai của các con. Nhưng vì không có những định hướng cụ thể đối với học vấn và nghề nghiệp của chúng nên ước mơ này chỉ hạn chế trong những mong muốn mơ hồ.